

Bản án số: 262/2025/HS-PT
Ngày: 21 - 4 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên
Các Thẩm phán: Ông Vũ Đức Toàn
Bà Nguyễn Thị Thanh

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đàm Lê Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Tấn Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 95/2025/TLPT-HS ngày 02 tháng 5 năm 2025 đối với bị cáo Lê Văn A và đồng phạm, do có kháng cáo của bị cáo Hà Duy T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 609/2024/HS-ST ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo: Hà Duy T; giới tính: Nam; sinh ngày 19/6/1992; tại tỉnh Vĩnh Long; nơi đăng ký thường trú và cư trú hiện nay: 113/54/8 T, Khu phố A, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Hà Văn B, sinh năm 1960 và bà Phạm Thị N, sinh năm 1960; vợ: Trịnh Mỹ L, sinh năm 1995; con: Có 01 người con sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 24/5/2022 đến nay, tại Trại tạm giam Chí Hòa Công an Thành phố H (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo theo yêu cầu của Tòa án: Luật sư Hồ Huy H – Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt).

(Ngoài ra, trong vụ án còn có 04 bị cáo Lê Văn A, Đinh Thị Mai C, Trần Lê An B1, Trần Thanh T1 và những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo, kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 3/2019, Lê Văn A làm việc cho Công ty T2, địa chỉ số A đường B, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty T2 là cộng tác viên của nhiều Ngân hàng chuyên hỗ trợ về cho vay tín chấp. Nhiệm vụ của Lê Văn A là gọi điện tư vấn cho khách hàng có nhu cầu vay tín chấp, hỗ trợ khách hàng làm thủ tục hồ sơ và gửi cho ngân hàng xét duyệt. Quá trình làm việc, Lê Văn A biết rõ được quy trình, thủ tục để ngân hàng xét duyệt hồ sơ vay tín chấp thông qua mạng Internet nên vào khoảng đầu tháng 7/2020, Lê Văn A thuê và sử dụng bất hợp pháp tài khoản đăng nhập (user) của hệ thống F1 (là hệ thống nhập và lưu trữ dữ liệu hồ sơ vay của khách hàng) của Công ty T3 (tên thương hiệu F) từ đối tượng tên N và đối tượng tên Q (chưa rõ lai lịch). Khi đăng nhập vào hệ thống F1, Lê Văn A tiếp cận được dữ liệu về khách hàng từng có hồ sơ vay ở FE C, có lịch sử trả nợ tốt, đã ký hợp đồng điện tử đang chờ được xét duyệt cấp hạn mức tín dụng qua thẻ (gọi là khách hàng A) và những khách hàng có hồ sơ vay đã bị F từ chối cho vay (gọi là khách hàng B), đồng thời Lê Văn A phát hiện ra lỗ hổng bảo mật của hệ thống F1, đó là có thể thay đổi được thông tin trên hồ sơ vay của khách hàng. Từ đó, Lê Văn A nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của ngân hàng bằng cách chỉnh sửa hồ sơ vay từ khách hàng A sang khách hàng B, để khách hàng B được giải ngân tiền, sau đó giả mạo là nhân viên của FE Credit hỗ trợ khách hàng B việc giải ngân và yêu cầu khách hàng B chuyển lại một khoản tiền hoàn phí nhằm chiếm đoạt. Cách thức thực hiện cụ thể như sau:

Lê Văn A đăng nhập vào hệ thống F1, kiểm tra thông tin khách hàng, theo dõi trạng thái thẩm định các hồ sơ vay của khách hàng A và khách hàng B. Sau đó, chọn lọc những khách hàng A và khách hàng B có họ tên trùng nhau và tiến hành thay đổi các thông tin Chứng minh nhân dân, số điện thoại nhận OTP của khách hàng A bằng thông tin của khách hàng B trước thời điểm hệ thống phê duyệt hồ sơ.

Sau khi thay đổi thông tin khách hàng, Lê Văn A cung cấp danh sách các khách hàng đã thay đổi và hướng dẫn Hà Duy T, Trần Lê An B1, Đinh Thị Mai C và Trần Thanh T1 cùng một số người khác (chưa rõ lai lịch) do Lê Văn A thuê để giả danh nhân viên FE Credit gọi điện chào mời khách hàng B với nội dung một khoản vay của khách hàng bị từ chối đã được phê duyệt, nếu khách hàng có nhu cầu vay sẽ hỗ trợ giải ngân, khách hàng phải chịu khoản tiền hoàn phí từ 16% đến 19% trên tổng số tiền vay, khi khách hàng đồng ý thì các đối tượng sẽ hướng dẫn các thao tác như sau:

Khách hàng B cung cấp mã OTP được gửi đến số điện thoại khách hàng để các đối tượng đăng nhập vào phần mềm FE Online, sau đó đăng ký giải ngân nhanh rút tiền mặt cho khách hàng trực tiếp trên phần mềm.

Hệ thống sẽ gửi mã rút tiền về số điện thoại cho khách hàng B, sau đó các đối tượng hướng dẫn khách hàng ra các kênh chi hộ liên kết với FE CREDIT, như ngân hàng, cửa hàng Thế giới di động, Viettel P để rút tiền mặt.

Sau khi khách hàng B rút tiền mặt thành công, các đối tượng liên hệ và yêu cầu khách hàng chuyển lại khoản tiền hoàn phí theo như thỏa thuận ban đầu vào số tài khoản của Lê Văn A, Hà Duy T và một số tài khoản khác.

Ngoài việc được giao nhiệm vụ quản lý công việc của các đối tượng, Hà Duy T còn được Lê Văn A cung cấp tài khoản vào hệ thống F1 của FE CREDIT, để tải và lọc dữ liệu khách hàng gửi cho Lê Văn A chỉnh sửa thông tin từ khách hàng B sang khách hàng A, khi chỉnh sửa xong thông tin, Lê Văn A cung cấp thông tin khách hàng để T gọi điện hướng dẫn khách hàng hoặc giao cho các đối tượng khác thực hiện. Đến tháng 10/2020, F đóng hệ thống F1, nên Lê Văn A không thực hiện được việc chỉnh sửa thông tin khách hàng trên hệ thống F1.

Bằng thủ đoạn nêu trên các bị can đã thực hiện chỉnh sửa thông tin, giải ngân cho 856 khách hàng không đủ điều kiện giải ngân theo quy định với 894 hồ sơ, để Công ty T3 giải ngân tổng số tiền là 29.090.946.810 đồng. Đến ngày 29/12/2023 số tiền khách hàng đã trả lại cho Công ty T3 là 10.866.949.553 đồng. Đến nay, đã có 90 hồ sơ đã tất toán khoản vay. Hiện còn 804 hồ sơ chưa tất toán, số tiền Công ty T3 chưa thu hồi được là 18.223.997.257 đồng. Tổng số tiền các bị can được hưởng lợi là 1.700.000.000 đồng, Anh chia cho T 180.000.000 đồng, C 130.000.000 đồng, B1 49.000.000 đồng, T1 40.000.000 đồng, Anh hưởng 700.000.000 đồng; số tiền còn lại Anh trả lương cho một số đối tượng khác mà A thuê, trả tiền thuê văn phòng và sử dụng vào mục đích cá nhân.

Ngày 01/6/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ C2 ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, ra Quyết định khởi tố bị can và ra Lệnh tạm giam, đối với Lê Văn A, Trần Lê An B1, Đinh Thị Mai C, Hà Duy T và Trần Thanh T1, về tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” quy định tại Điều 290 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đến ngày 07/9/2022, Viện kiểm sát nhân dân tối cao ra quyết định chuyển vụ án đến Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an Thành phố H điều tra theo thẩm quyền.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ C2 và Công an Thành phố H, Lê Văn A, Trần Lê An B1, Đinh Thị Mai C, Hà Duy T và Trần Thanh T1, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác mà Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu thập được trong hồ sơ vụ án.

+ *Vật chứng vụ án*: (Bản kê danh sách kèm theo cáo trạng).

+ *Về phần dân sự*: Công ty T3 yêu cầu bồi thường tổng số tiền 24.814.389.059 đồng bao gồm tiền gốc chưa thu hồi cũng như tiền lãi phát sinh theo quy định. Hiện các bị can chưa bồi thường.

Tại bản Cáo trạng số 197/CT-VKS-P2 ngày 22/3/2024, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố các bị cáo Lê Văn A, Hà Duy T, Đinh Thị Mai C, Trần Lê An B1 và Trần Thanh T1, về tội: “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” theo các điểm a, b khoản 4 Điều 290 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây gọi tắt là Bộ luật Hình sự 2015).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm 609/2024/HS-ST ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, quyết định:

Áp dụng các điểm a, b khoản 4 Điều 290; các điểm a, b, g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Hà Duy T 15 (mười lăm) năm tù, về tội: “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/5/2022.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về tuyên về tội danh và hình phạt của các bị cáo Lê Văn A, Đinh Thị Mai C, Trần Lê An B1, Trần Thanh T1; trách nhiệm dân sự; xử lý vật chứng; án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02/01/2025, bị cáo Hà Duy T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Hà Duy T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

Trong phần tranh luận:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ để tuyên mức án là phù hợp. Bị cáo có kháng cáo nhưng không cung cấp được tình tiết gì mới nên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm

Người bào chữa cho bị cáo phát biểu: Bị cáo đã tác động gia đình nộp lại một phần số tiền khắc phục hậu quả. Bị cáo là lao động chính trong nhà, nuôi con nhỏ 06 tuổi, nuôi mẹ già. Số tiền thiệt hại là lớn nhưng có khả năng thu hồi, nhiều khách hàng đang thực hiện thanh toán khoản vay thu hồi cho FE Credit. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của Đảng và Nhà nước.

Bị cáo trình bày: Bị cáo nuôi dưỡng cha mẹ; mẹ bị cáo trong công tác đều có thành tích tốt. Bị cáo sẽ khắc phục hết những gì bị cáo làm sai, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt cho bị cáo.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện hành vi phạm tội của bị cáo như sau:

Với động cơ tư lợi bất chính, các bị cáo Lê Văn A, Đinh Thị Mai C, Hà Duy T, Trần Lê An B1 và Trần Thanh T1, cùng một số đối tượng (chưa rõ lai lịch) đã rủ rê, thống nhất ý trí và cùng nhau thực hiện hành vi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản. Trong đó, bị cáo Lê Văn A sử dụng phần mềm bất hợp pháp đăng nhập vào hệ thống dữ liệu khách hàng của Công ty T3 (F) để

thay đổi, chỉnh sửa thông tin trên hồ sơ vay (số điện thoại nhận mã OTP; số tài khoản; thông tin căn cước công dân...) của khách hàng không đủ điều kiện giải ngân thành khách hàng đủ điều kiện chờ được giải ngân; rồi cung cấp danh sách và hướng dẫn cho các bị cáo khác giả danh nhân viên FE Credit gọi điện thoại cho khách hàng không đủ điều kiện vay thành được vay tiền nêu trên thỏa thuận phải chịu khoản tiền hoàn phí dịch vụ từ 16% đến 19% trên tổng số tiền vay và chuyển tiền cho các bị cáo để chiếm đoạt tài sản.

Trong khoảng thời gian từ tháng 7/2020 đến đầu tháng 10/2020, tổng số tiền PE C1 đã giải ngân cho các hồ sơ khách vay không đủ điều kiện là 29.090.946.810 đồng; Công ty đã thu hồi được số tiền 10.866.949.553 đồng, còn lại số tiền 18.223.997.257 đồng chưa thu hồi được. Trong đó, Đinh Thị Mai C đồng phạm với Lê Văn A gây thiệt hại cho Công ty F 29.090.946.810 đồng; Hà Duy T, Trần Lê An B1 và Trần Thanh T1 đồng phạm với Lê Văn A gây thiệt hại cho Công ty F số tiền 18.720.819.714 đồng.

Tổng số tiền các bị cáo chiếm đoạt được là 1.700.000.000 đồng, trong đó: T hưởng lợi 180.000.000 đồng; C hưởng lợi 130.000.000 đồng; B1 hưởng lợi 49.000.000 đồng; T1 được lợi 40.000.000 đồng; Anh hưởng lợi 700.000.000 đồng; số tiền còn lại A khai trả tiền thuê văn phòng và trả lương cho một số đối tượng khác (chưa rõ lai lịch).

Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt các bị cáo Lê Văn A, Đinh Thị Mai C, Hà Duy T, Trần Lê An B1 và Trần Thanh T1, đã phạm vào tội: “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”, theo quy định tại các điểm a, b khoản 4 Điều 290 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng người, đúng tội.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội; không những xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại được pháp luật hình sự bảo vệ, gây ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động bình thường về tài chính của F; mà còn xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước trong lĩnh vực an ninh mạng viễn thông, gây mất trật tự an toàn công cộng. Do đó, cần thiết phải xử phạt các bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[3] Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm, có sự cấu kết chặt chẽ trong việc cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội. Trong đó, bị cáo T là người nhận file và giúp Anh dò danh sách khách hàng trùng tên để sửa thông tin trên hồ sơ vay, và cùng các bị cáo C, B1, T1 sử dụng kịch bản lừa đảo do Anh hướng dẫn để gọi điện thoại cho khách hàng, trực tiếp thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản.

Trong thời gian phạm tội, các bị cáo không có công việc làm, thu nhập nào khác, đã lấy việc phạm tội là công việc có thu nhập và làm nguồn sống chính; chỉ trong khoảng thời gian ngắn, các bị cáo đã liên tục thực hiện hành vi chỉnh sửa thông tin và thỏa thuận lừa đảo thành công đối với 856 khách hàng không đủ điều kiện vay được giải ngân theo quy định của F, tổng cộng là 894 hồ

sơ được giải ngân với tổng số tiền là 29.090.946.810 đồng, chiếm đoạt 1.700.000.000 đồng (trong đó, mỗi lần đều có đầy đủ yếu tố cấu thành tội phạm và chưa bị xử lý), phạm tội thuộc trường hợp: “có tổ chức” “có tính chất chuyên nghiệp” và “02 lần trở lên” theo quy định tại các điểm a, b, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Về tính chất, mức độ tham gia phạm tội, thì bị cáo T giữ vai trò chỉ sau bị cáo Lê Văn A, nên mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử đối với bị cáo là có căn cứ.

Khi xem xét quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo có kháng cáo xin giảm hình phạt, nhưng không có tình tiết giảm nhẹ mới nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Các nội dung và quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Hà Duy T; Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 609/2024/HSST ngày 24/12/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Tuyên bố bị cáo Hà Duy T phạm tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng các điểm a, b khoản 4 Điều 290; các điểm a, b, g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Hà Duy T 15 (mười lăm) năm tù, về tội: “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/5/2022.

Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

2. Các nội dung và quyết định khác của bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Lê Văn A, Đinh Thị Mai C, Trần Lê An B1, Trần Thanh T1; biện pháp tư pháp; trách nhiệm dân sự; xử lý vật chứng; án phí sơ

thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Hà Duy T phải chịu 200.000 đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Công an TP.HCM;
- Sở tư pháp TP.HCM;
- Trại tạm giam CA TP.HCM;
- (Tổng đạt cho bị cáo)
- Lưu (5) 15b (Án NThuy).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Duyên